

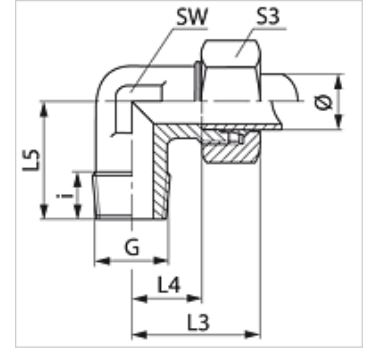
# WN VA

旋入式螺栓连接,角度90°

**HANSA FLEX**

## 属性

接口 1	NPT外螺纹
密封形式 1	螺纹密封式
接口 2	米制外螺纹,圆柱形
密封形式 2	24°内锥
结构类型	旋入式螺栓连接
结构形式	角度90°
标准	DIN 2353 ISO 8434-1
供货范围	带锁紧螺母和切割环的接套
原料	不锈钢



## 提示

有关安装、装入、压力负荷和允许的工作温度的说明请您参阅管螺栓连接的技术信息。

## 货品

名称	结构系列	工作压力 巴	管外径 Ø (mm)	G	i (mm)	L3 (mm)	L4 (mm)	L5 (mm)	SW (mm)	S3
WN 04 LL VA	LL	PN 100	4	1/8" -27 NPT	7,0	21	11,0	17	9	10
WN 06 LL VA	LL	PN 100	6	1/8" -27 NPT	10,0	21	9,5	17	9	12
WN 08 LL VA	LL	PN 100	8	1/8" -27 NPT	10,0	21	9,5	17	12	14
WN NW 04 HL VA	L	PN 315	6	1/8" -27 NPT	10,0	27	12,0	20	12	14
WN NW 04 HL 1/4 VA	L	PN 315	6	1/4" -18 NPT	12,0	29	14,0	26	12	14
WN NW 04 HL 3/8 VA	L	PN 315	6	3/8" -18 NPT	15,3	33	18,0	28	14	14
WN NW 04 HL 1/2 VA	L	PN 315	6	1/2" -14 NPT	17,0	38	23,0	34	19	14
WN NW 06 HL 1/8 VA	L	PN 315	8	1/8" -27 NPT	110,0	29	14,0	26	12	17
WN NW 06 HL VA	L	PN 315	8	1/4" -18 NPT	12,0	29	14,0	26	12	17
WN NW 06 HL 3/8 VA	L	PN 315	8	3/8" -18 NPT	15,2	23	11,5	20	12	17
WN NW 06 HL 1/2 VA	L	PN 315	8	1/2" -14 NPT	17,5	30	15,0	26	12	17
WN NW 08 HL 1/8 VA	L	PN 315	10	1/8" -27 NPT	10,0	30	15,0	27	14	19
WN NW 08 HL VA	L	PN 315	10	1/4" -18 NPT	14,0	30	15,0	27	14	19
WN NW 08 HL 3/8 VA	L	PN 315	10	3/8" -18 NPT	15,2	30	15,0	27	14	19
WN NW 08 HL 1/2 VA	L	PN 315	10	1/2" -14 NPT	20,0	37	21,0	33	17	19
WN NW 10 HL 1/4 VA	L	PN 315	12	1/4" -18 NPT	14,0	32	17,0	28	17	22
WN NW 10 HL VA	L	PN 315	12	3/8" -18 NPT	12,5	32	17,0	28	17	22
WN NW 10 HL 1/2 VA	L	PN 315	12	1/2" -14 NPT	19,0	38	23,0	34	19	22
WN NW 13 HL 3/8 VA	L	PN 315	15	3/8" -18 NPT	13,0	36	21,0	34	19	27
WN NW 13 HL VA	L	PN 315	15	1/2" -14 NPT	18,5	36	21,0	34	19	27
WN NW 16 HL 3/8 VA	L	PN 315	18	3/8" -18 NPT	15,3	40	23,5	36	24	32
WN NW 16 HL VA	L	PN 315	18	1/2" -14 NPT	20,0	40	23,5	36	24	32
WN NW 16 HL 3/4 VA	L	PN 315	18	3/4" -14 NPT	18,5	40	23,5	40	24	32
WN NW 20 HL 1/2 VA	L	PN 160	22	1/2" -14 NPT	20,0	44	27,5	42	27	36
WN NW 20 HL VA	L	PN 160	22	3/4" -14 NPT	18,5	44	27,5	42	27	36
WN NW 25 HL 3/4 VA	L	PN 160	28	3/4" -14 NPT	20,0	47	30,5	48	36	41
WN NW 25 HL VA	L	PN 160	28	1" -11.5 NPT	24,0	47	30,5	48	36	41
WN NW 32 HL VA	L	PN 160	35	1.1/4" -11.5 NPT	25,5	56	34,5	54	41	50
WN NW 40 HL VA	L	PN 160	42	1.1/2" -11.5 NPT	26,0	63	40,0	61	50	60
WN NW 03 HS VA	S	PN 630	6	1/4" -18 NPT	12,0	31	16,0	26	12	17
WN NW 03 HS 3/8 VA	S	PN 630	6	3/8" -18 NPT	15,3	32	17,5	27	14	17
WN NW 03 HS 1/2 VA	S	PN 630	6	1/2" -14 NPT	20,0	36	21,0	34	17	17
WN NW 04 HS VA	S	PN 630	8	1/4" -18 NPT	15,0	32	17,0	27	14	19
WN NW 04 HS 3/8 VA	S	PN 630	8	3/8" -18 NPT	15,3	33	18,0	28	14	19
WN NW 04 HS 1/2 VA	S	PN 630	8	1/2" -14 NPT	20,0	38	23,0	34	17	19
WN NW 06 HS 1/4 VA	S	PN 630	10	1/4" -18 NPT	15,0	34	17,5	28	17	22
WN NW 06 HS VA	S	PN 630	10	3/8" -18 NPT	12,0	34	17,5	28	17	22
WN NW 06 HS 1/2 VA	S	PN 630	10	1/2" -14 NPT	20,0	39	22,5	32	17	22
WN NW 08 HS 1/4 VA	S	PN 630	12	1/4" -18 NPT	15,0	38	21,5	29	17	24
WN NW 08 HS VA	S	PN 630	12	3/8" -18 NPT	12,5	38	21,5	28	17	24
WN NW 08 HS 1/2 VA	S	PN 630	12	1/2" -14 NPT	20,0	39	21,5	34	17	24
WN NW 10 HS 3/8 VA	S	PN 630	14	3/8" -18 NPT	15,3	40	22,0	30	19	27
WN NW 10 HS VA	S	PN 630	14	1/2" -14 NPT	18,0	40	22,0	34	19	27



尽管经过了仔细审阅,但我们无法完全排除发生错误的可能,对所提供的信息数据本公司不承担任何责任。

# WN VA

旋入式螺栓连接,角度90°

**HANSA FLEX**

## 货品

名称	结构系列	工作压力 巴	管外径 Ø (mm)	G	i (mm)	L3 (mm)	L4 (mm)	L5 (mm)	SW (mm)	S3
WN NW 13 HS 3/8 VA	S	PN 400	16	3/8" -18 NPT	15,3	43	24,5	32	24	30
WN NW 13 HS VA	S	PN 400	16	1/2" -14 NPT	19,0	43	24,5	36	24	30
WN NW 13 HS 3/4 VA	S	PN 400	16	3/4" -14 NPT	20,0	43	25,0	40	24	30
WN NW 16 HS 1/2 VA	S	PN 400	20	1/2" -14 NPT	20,0	48	26,5	42	27	36
WN NW 16 HS VA	S	PN 400	20	3/4" -14 NPT	20,0	48	26,6	42	27	36
WN NW 20 HS VA	S	PN 400	25	1" -11.5 NPT	24,0	54	30,0	48	36	46
WN NW 25 HS VA	S	PN 400	30	1.1/4" -11.5 NPT	25,5	62	35,5	54	41	50
WN NW 32 HS VA	S	PN 315	38	1.1/2" -11.5 NPT	26,0	72	41,0	61	50	60

PN = 额定压力 PB = 最大工作压力 - 结构系列:LL=非常轻 L=轻 S=重 - Ø = 管外径

## 产品变体

WN	旋入式螺栓连接,角度90°, 钢
WN MG	旋入式螺栓连接,角度90°, 黄铜
XWN VA	旋入式螺栓连接,角度90°, 不锈钢